**Phụ lục 1**

**THỐNG KÊ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NGHỊ QUYẾT 10C/NQ-BCH**

*(Kèm theo Kế hoạch số : 180 /KH-CĐVC ngày 27/5/2022 của CĐVC)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tập huấn, huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động** **và thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên** | **Phát động, hưởng ứng phong trào “Xanh-Sạch-Đẹp, Bảo đảm ATVSLĐ”** | **Báo cáo, điều tra tai nạn lao động nặng và chết người** | **Khởi kiện liên quan đến ATVSLĐ** **(số vụ)** |
| **Công đoàn cấp trên cơ sở** | **Công đoàn cơ sở** | **Doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công** | **Doanh nghiệp ngoài nhà nước** | **Tổng số vụ** | **Số vụ được báo cáo** | **Số vụ công đoàn tham gia điều tra** |
| **Số công đoàn cấp trên cơ sở** | **Số cán bộ công đoàn cấp trên cơ sở được tập huấn, huấn luyện về ATVSLĐ** | **Số lượng công đoàn cơ sở khu vực doanh nghiệp** | **Số lượng cán bộ công đoàn cơ sở khu vực doanh nghiệp** | **Số cán bộ công đoàn cơ sở được tập huấn, huấn luyện ATVSLĐ** | **Số công đoàn cơ sở ở doanh nghiệp thuộc ngành nghề có nguy cơ cao *(Điều 8 Thông tư 07/2016/TT-BLĐTBXH)*** | **Số lượng** | **Số DN, đơn vị phát động hưởng ứng phong trào** | **Số lượng** | **Số DN phát động hưởng ứng phong trào** |
| **Số lượng** | **Số cán bộ công đoàn chủ chốt được tập huấn, huấn luyện về ATVSLĐ** | **Số doanh nghiệp thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên** |  |  |
| **2017** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2018** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2019** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2020** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2021** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Năm 2022** *(tính đến hết tháng 6)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **CỘNG** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

 **Phụ lục 2**

**THỐNG KÊ KẾT QUẢ TẬP HUẤN, HUẤN LUYỆN VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

*(Kèm theo Kế hoạch số : 180 /KH-CĐVC ngày 27/5/2022 của CĐVC)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Số cuộc/số lớp** | **Số người** |
| Năm 2017 | Năm2018 | Năm2019 | Năm2020 | Năm 2021 | Năm 2022 *(tính đến hết tháng 6)* | **CỘNG**  | Năm 2017 | Năm2018 | Năm2019 | Năm2020 | Năm 2021 | Năm 2022 *(tính đến hết tháng 6)* | **CỘNG** |
| 1 | Công đoàn chủ động tập huấn, huấn luyện |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Công đoàn phối hợp tập huấn, huấn luyện |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

 **Phụ lục 3**

**KẾT QUẢ THAM GIA KIỂM TRA, THANH TRA, GIÁM SÁT**

**VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

*(Kèm theo Kế hoạch số: 180 /KH-CĐVC ngày 27/5/2022 của CĐVC)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Công đoàn phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra, thanh tra, giám sát về ATVSLĐ** | **Công đoàn cơ sở phối hợp với NSDLĐ tự kiểm tra về ATVSLĐ** |
| **Số cuộc/đợt kiểm tra** | **Số doanh nghiệp/cơ sở SXKD kiểm tra** | **Số nguy cơ, vi phạm được phát hiện** | **Số nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm ATVSLĐ được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới** | **Số doanh nghiệp/cơ sở SXKD tự kiểm tra** | **Số nguy cơ, vi phạm được phát hiện** | **Số nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm ATVSLĐ được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới** |
| **2017** |  |  |  |  |  |  |  |
| **2018** |  |  |  |  |  |  |  |
| **2019** |  |  |  |  |  |  |  |
| **2020** |  |  |  |  |  |  |  |
| **2021** |  |  |  |  |  |  |  |
| **Năm 2022** *(tính đến hết tháng 6* |  |  |  |  |  |  |  |
| **CỘNG** |  |  |  |  |  |  |  |

 **Phụ lục 4**

**THỐNG KÊ TÌNH HÌNH MẠNG LƯỚI AN TOÀN, VỆ SINH VIÊN**

**VÀ ĐỀ TÀI, CÔNG TRÌNH, SÁNG KIẾN VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

*(Kèm theo Kế hoạch số: 180 /KH-CĐVC ngày 27/5/2022 của CĐVC)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu thống kê** | **Năm 2017** | **Năm 2018** | **Năm 2019** | **Năm 2020** | **Năm 2021** | **Năm 2022** *(tính đến hết tháng 6)* | **CỘNG** |
| **I** | **MẠNG LƯỚI AN TOÀN VỆ SINH VIÊN (ATVSV)** |
| 1 | Tổng số doanh nghiệp của địa phương/ngành |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Số doanh nghiệp thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Số lượng an toàn, vệ sinh viên |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Số doanh nghiệp có phụ cấp cho an toàn, vệ sinh viên |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Mức phụ cấp trung bình/ATVSV/tháng (đồng) |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **ĐỀ TÀI, CÔNG TRÌNH, SÁNG KIẾN VỀ ATVSLĐ** |
| 1 | Tổng số đề tài, công trình, sáng kiến về ATVSLĐ |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Giá trị làm lợi hiệu quả về mặt kinh tế *(triệu đồng)* |  |  |  |  |  |  |  |

 **Phụ lục 5**

**THỐNG KÊ CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO**

**CỦA CÁN BỘ LÀM CÔNG TÁC AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

*(Kèm theo Kế hoạch số: 180 /KH-CĐVC ngày 27/5/2022 của CĐVC)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Chuyên ngành đào tạo** |
| **Số người** **được đào tạo ngành Bảo hộ lao động** | **Số người** **được đào tạo ngành kỹ thuật** | **Số người** **được đào tạo chuyên ngành khác** | **CỘNG** |
| 1 | Cán bộ tại cơ quan Công đoàn Viên chức VN được phân công làm công tác ATVSLĐ |  |  |  |  |
| 2 | Cán bộ tại cơ quan công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở được phân công làm công tác ATVSLĐ |  |  |  |  |
| **CỘNG** |  |  |  |  |

**Phụ lục 6**

**ĐỀ CUƠNG**

**Báo cáo, đánh giá 5 năm thực hiện Chỉ thị số 04/CT-TLĐ ngày 03/3/2017 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn về việc tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Xanh – Sạch – Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động” trong tình hình mới**

 *(Kèm theo Kế hoạch số: 180 /KH-CĐVC ngày 27/5/2022 của CĐVC)*

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ**

**II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

Đánh giá kết quả thực hiện các nội dung của Chỉ thị tập trung vào các nội dung:

1.Công tác tuyên truyền trong các cấp, các ngành, NSDLĐ, cán bộ, đoàn viên công đoàn, công nhân, viên chức, lao động về mục tiêu, nội dung và ý nghĩa của phong trào “Xanh – Sạch – Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”.

2.Đánh giá hiệu quảphong trào “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”, phong trào quần chúng làm công tác ATVSLĐ.

3. Công tác phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, NSDLĐ tổ chức các hình thức thi đua về ATVSLĐ; Phối hợp tổ chức kiểm tra và tự kiểm tra ATVSLĐ, kiểm tra chấm điểm phong trào “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”; Tuyên dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào và nhân rộng các điển hình.

4. Việc củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của mạng lưới an toàn vệ sinh viên, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ kỹ năng và phương pháp hoạt động, Hội thi an toàn vệ sinh viên giỏi.

5. Việc xây dựng văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc.

6. Bảo đảm ATVSLĐ gắn với bảo vệ môi trường, thúc đẩy việc thực hiện Tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

**III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CHỈ THỊ**

1. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chỉ thị.

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế.

**IV. PHƯƠNG HƯỚNG TIẾP TỤC THỰC HIỆN CHỈ THỊ TRONG THỜI GIAN TỚI**

**V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**